

Sao kê chi tiết từ **21/01/2016** đến **21/01/2016**

From date To date

Mã khách hàng :**99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Tên tài khoản : **TRUONG DHL HN-TK CHUYEN THU-VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819998** Số cũ: 41201200034697049999

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **22/01/2016**

Printing date

Ngày giao dịch <i>Txn. date</i>	Ngày hiệu lực <i>Value date</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Số giao dịch <i>Txn. No</i>	Ghi nợ <i>Debit</i>	Ghi có <i>Credit</i>	Số dư <i>Balance</i>
Số dư đầu kỳ Opening Balance				1,846,899,420.00		
21/01/2016	21/01/2016	TRUONG THI THU LOAN.MSSV:403830 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160210001		5,220,000.00	1,852,119,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN QUANG LINH.MSSV:400301.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160210002		4,860,000.00	1,856,979,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LE VAN CAO MSV 402126, LOP 21-K40 NT HOC PHI KY II NAM 2015-2016	350NT02160210001		4,500,000.00	1,861,479,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LE THI THUY HANG MSV 401626	114NT01160210004		4,860,000.00	1,866,339,420.00
21/01/2016	21/01/2016	TRAN THANH HUYEN-MSV 400866 NOP TIEN HOC PHI	260NT02160210001		4,860,000.00	1,871,199,420.00
21/01/2016	21/01/2016	Nguyen Tran Thao My Ma SV 403806 nop hoc phi Ky II~NC:NGUYEN THI HA - Nguoi chuyen: NGUYEN THI HA	001CTD1160210006		4,860,000.00	1,876,059,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LE QUOC ANH NOP HOC PHI KY 2 MA SV 402414	102NT01160210004		4,500,000.00	1,880,559,420.00
21/01/2016	21/01/2016	TA THI HONG HAI MSV 403256 NTHP	120NT01160210004		5,220,000.00	1,885,779,420.00
21/01/2016	21/01/2016	DINH THI HUYEN MSV 401158 NTHP	120NT01160210005		4,860,000.00	1,890,639,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN MY HANH MSV 402239 NTHP	120NT01160210006		4,860,000.00	1,895,499,420.00
21/01/2016	21/01/2016	PHAM THI KIEU LINH MSV 401152 NTHP	120NT01160210007		3,420,000.00	1,898,919,420.00
21/01/2016	21/01/2016	DUONG THI HUYEN MSV 402854 NTHP	120CT01160210001		4,860,000.00	1,903,779,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NHU THI NGOC ANH MSV 401356 NTHP	120NT01160210008		4,860,000.00	1,908,639,420.00
21/01/2016	21/01/2016	VU THI TRANG MSV 403455 NTHP	120NT01160210009		4,680,000.00	1,913,319,420.00
21/01/2016	21/01/2016	TC:TQ2200112.NGO THI THU THUY, MSV402541, HOC PHI KI 2~NC:NGO THI THU THUY - Nguoi chuyen: NGO THI THU THUY	001CTD1160210078		4,860,000.00	1,918,179,420.00

21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THI MAI HUONG.MSSV:403844.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160210011		5,220,000.00	1,923,399,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LO VIET ANH MSSV 401064	190NT02160210001		11,610,000.00	1,935,009,420.00
21/01/2016	21/01/2016	SV HOANG DIEU THUY MSV 400718 NOP HOC PHI KI II	180NT02160210001		4,860,000.00	1,939,869,420.00
21/01/2016	21/01/2016	VU THI KHANH LINH MSSV:402317 TT TIEN HOC PHI	340NT02160210001		4,860,000.00	1,944,729,420.00
21/01/2016	21/01/2016	QUAN THUY NGAN NT HOC PHI KY II TRUONG DH LUAT HA NOI, MSV 400653, LOP 4006	002NP03160210001		4,860,000.00	1,949,589,420.00
21/01/2016	21/01/2016	PHAM THI MINH NGUYET, MSV: 401026	360NT02160210001		4,860,000.00	1,954,449,420.00
21/01/2016	21/01/2016	DAO THI THANH NGA MSV 400532 LOP 4005 NT HP 27 TIN CHI ST4.860.000VND	120NT01160210014		4,860,000.00	1,959,309,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LA HAI AN MSV 400927 NT HP	120NT01160210015		4,860,000.00	1,964,169,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LY THI NGOC TRAM MV 400832 NT HP	120NT01160210016		4,860,000.00	1,969,029,420.00
21/01/2016	21/01/2016	DO THI PHUONG THAO MA SV 401841 NOP HOC PHI HOC KY II~NC:DO NGOC TUAN - Nguoi chuyen: DO NGOC TUAN	001CTD1160210150		4,860,000.00	1,973,889,420.00
21/01/2016	21/01/2016	nop tien hoc phi hoc ky 2 nam 2015-2016 cho sinh vien Doan Nhat Linh ma sinh vien 403066- Nhan tai NH Bd Lien viet CN dong do~NC:do Thu Huyen - Nguoi chuyen: do Thu Huyen	001CTD1160210164		15,060,000.00	1,988,949,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THUY GIANG CT MSV 401317. NHAN TAI CN DONG DO~NC:NGUYEN THUY GIANG - Nguoi chuyen: NGUYEN THUY GIANG	001CTD1160210169		4,860,000.00	1,993,809,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THUY QUYNH MSV 400836 NTHP	120NT01160210017		4,860,000.00	1,998,669,420.00
21/01/2016	21/01/2016	HOANG THI SA MSV 400949 NT HP	120NT01160210018		4,500,000.00	2,003,169,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LE THAO NHI MSV 403510 NT HP	120NT01160210019		4,680,000.00	2,007,849,420.00
21/01/2016	21/01/2016	DO VAN TUAN NOP HOC PHI CHO DO THI NGOC ANH MSV: 403316	370NT02160210001		4,680,000.00	2,012,529,420.00
21/01/2016	21/01/2016	TRAN HAI DANG MSV 401630 NTHP KY II NAM 2015-2016	120NT01160210020		4,860,000.00	2,017,389,420.00
21/01/2016	21/01/2016	TRAN NGOC LINH; 403557 NT HOC PHI	100NT01160210003		4,680,000.00	2,022,069,420.00
21/01/2016	21/01/2016	HOANG THI TRA MY MSSV:403645 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160210021		5,220,000.00	2,027,289,420.00
21/01/2016	21/01/2016	HOANG THI PHAN MSV:402558 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160210023		4,860,000.00	2,032,149,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THI PHUONG ANH MA SINH VIEN 402210 NT VAO TK TRUONG DHL HA NOI	100NT01160210004		4,500,000.00	2,036,649,420.00
21/01/2016	21/01/2016	VU THUY TRANG MSSV:403405 NOP HOC PHI	120NT01160210024		4,680,000.00	2,041,329,420.00
21/01/2016	21/01/2016	CHU TUE ANH MSSV: 401724 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160210027		4,680,000.00	2,046,009,420.00
21/01/2016	21/01/2016	DINH THI NGAN MSSV:401964 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160210028		4,860,000.00	2,050,869,420.00

21/01/2016	21/01/2016	VU A DIA MA SV 400351. NHO CHUYEN DEN CN DONG DO~NC:VU ADIA 01628279048 - Nguoi chuyen: VU ADIA 01628279048	001CTD1160210179		4,500,000.00	2,055,369,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN CAM TU MSSV 401232 NOP TIEN HOC PHI~NC:NGUYEN CAM TU - Nguoi chuyen: NGUYEN CAM TU	001CTD1160210197		4,500,000.00	2,059,869,420.00
21/01/2016	21/01/2016	SV TRAN LE NGOC MINH MA SV 402929 LOP 4029A NOP HOC PHI KY II~NC:LE THI LIEN TP - Nguoi chuyen: LE THI LIEN TP	001CTD1160210206		15,060,000.00	2,074,929,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THI HUE CT HOC PHI . / HO VA TEN SV : LUNG TUYET NHI / MSV : 400914. DE NGHI CT DEN NH BUU DIEN LIEN VIET - CN DONG DO~NC:NGUYEN THI HUE - Nguoi chuyen: NGUYEN THI HUE	001CTD1160210212		4,860,000.00	2,079,789,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NOP HOC PHI CHO VU DUC MINH, MSV 403758, HOC PHI KY 2 NAM 2015-2016~NC:NGHIEM THI BICH NGOC - Nguoi chuyen: NGHIEM THI BICH NGOC	001CTD1160210218		5,242,000.00	2,085,031,420.00
21/01/2016	21/01/2016	HO VA TEN : NGUYEN THU HUYEN MSV 403817 NOP HOC PHI KI II CON THIEU	103NT01160210005		360,000.00	2,085,391,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THI HONG ANH MSSV 402444 NOP HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	103NT01160210006		4,860,000.00	2,090,251,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN PHUONG ANH MSV 402336 NOP HOC PHI	300NT02160210006		4,860,000.00	2,095,111,420.00
21/01/2016	21/01/2016	PHUNG HOANG KHANH LINH MSSV:400605 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160210033		4,860,000.00	2,099,971,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NONG THI LE.MSV: 400467.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160210035		4,500,000.00	2,104,471,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN ANH MINH MSV 403527 NTHP	120NT01160210036		5,220,000.00	2,109,691,420.00
21/01/2016	21/01/2016	HOANG HUONG QUYNH MSV 400167 NTHP	120NT01160210037		5,040,000.00	2,114,731,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THI THOM MSV 403525 NTHP	120NT01160210038		5,220,000.00	2,119,951,420.00
21/01/2016	21/01/2016	TRAN KIM HANG MSV 402901 NTHP	120NT01160210039		15,060,000.00	2,135,011,420.00
21/01/2016	21/01/2016	SV TRAN THI ANH NGUYET MA SV 402546NT HOC KY II 2015.2016 ~NC:TRAN THI ANH NGUYET - Nguoi chuyen: TRAN THI ANH NGUYET	001CTD1160210336		4,860,000.00	2,139,871,420.00
21/01/2016	21/01/2016	DONG TIEN HOC PHI HOC KY 2 CHO PHAMHANG NGA MA SO SV403074 ~NC:BUI KIM CHI - Nguoi chuyen: BUI KIM CHI	001CTD1160210341		15,000,000.00	2,154,871,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LE THI QUYNH MSSV: 402708 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160210041		4,860,000.00	2,159,731,420.00
21/01/2016	21/01/2016	PHAM NGOC ANH MSV 401404 SDT 01655731699 NT HOC PHI KI II NAM 2016	310NT02160210001		4,860,000.00	2,164,591,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NONG VAN QUAN MSV 400153 NTHP	120NT01160210044		5,040,000.00	2,169,631,420.00

21/01/2016	21/01/2016	LE THI LAN HUONG MSV 402535 NTHP	120NT01160210045		5,040,000.00	2,174,671,420.00
21/01/2016	21/01/2016	BUI THI HAI ANH MSV 403566 NTHP	120NT01160210046		4,680,000.00	2,179,351,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THI MY LINH MSV 401206 NTHP	120NT01160210047		4,860,000.00	2,184,211,420.00
21/01/2016	21/01/2016	DAO THI THU HUYEN MSV:403426 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160210048		4,680,000.00	2,188,891,420.00
21/01/2016	21/01/2016	MA THI THANH TAM MSV 400851 NT HP	120NT01160210049		4,500,000.00	2,193,391,420.00
21/01/2016	21/01/2016	TRAN LINH CHI MSV 402307 NT HP	120NT01160210050		4,860,000.00	2,198,251,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LE THI THUY MSV 401219 NT HP	120NT01160210051		4,860,000.00	2,203,111,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THI LUA MSV 402337 NT	120NT01160210052		4,860,000.00	2,207,971,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THI THU HUONG MSV 402569 NTHP	120NT01160210053		5,040,000.00	2,213,011,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THI NGOC TRAM MSV 402566 NTHP	120NT01160210054		5,040,000.00	2,218,051,420.00
21/01/2016	21/01/2016	BUI THI THU HA MSSV 400752-K40- LOP 7 NOP TIEN HOC PHI KY 2	230NT02160210002		4,860,000.00	2,222,911,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGO THI BICH SINH MSV 402570 NTHP	120NT01160210055		4,860,000.00	2,227,771,420.00
21/01/2016	21/01/2016	Nop tien hoc phi ky II nam 2016. Ho va ten sinh vien: Nguyen Phuong Anh. Ma so sinh vien: 402839.-NC:Nguyen Phuong Anh - Nguoi chuyen: Nguyen Phuong Anh	001CTD1160210375		4,500,000.00	2,232,271,420.00
21/01/2016	21/01/2016	PHAM THI THANH NT CHO HOANG THANH XUAN MA SO:400842 HOC PHI KY 2-2016	340NT02160210004		4,860,000.00	2,237,131,420.00
21/01/2016	21/01/2016	VU LE HA MA SINH VIEN 402660 NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 -2015-2016	200BD02160210001		4,860,000.00	2,241,991,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NT HOC PHI KY 2 - NGUYEN XUAN NGUYEN MSSV 400345	120NT01160210056		4,860,000.00	2,246,851,420.00
21/01/2016	21/01/2016	HO VA TEN LE QUOC NGHIA MSV 403829 NOP HOC PHI KY II	103NT01160210014		5,220,000.00	2,252,071,420.00
21/01/2016	21/01/2016	HO VA TEN TRAN MAI HUONG MSV 400721 NOP HOC PHI HOC KY II	103NT01160210015		4,500,000.00	2,256,571,420.00
21/01/2016	21/01/2016	HO VA TEN NGUYEN THI THU DONG MSV 400731 NOP HOC PHI KY II	103NT01160210016		4,860,000.00	2,261,431,420.00
21/01/2016	21/01/2016	HOANG THI HAI YEN NOP HOC PHI CHO TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI MSSV 400321	111NT01160210007		5,040,000.00	2,266,471,420.00
21/01/2016	21/01/2016	TU VAN BAC MSV 400206 NTHP	120NT01160210057		4,860,000.00	2,271,331,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LE MINH NGUYET MSV 402118 NTHP	120NT01160210058		4,860,000.00	2,276,191,420.00
21/01/2016	21/01/2016	TRAN TIEU TRAM MSV 403826 NTHP	120NT01160210059		3,780,000.00	2,279,971,420.00
21/01/2016	21/01/2016	TC:VN05845.Dong tien hoc hoc ky 2 nam hoc 2015-2016 khoa 40. Luong Hoang Vu, MSSV: 401168~NC:PHAM THI MINH NGOC - Nguoi chuyen: PHAM THI MINH NGOC	001CTD1160210491		4,860,000.00	2,284,831,420.00

21/01/2016	21/01/2016	VU THU HIEN MSV 403849 NTHP	120NT01160210060		5,220,000.00	2,290,051,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THAO LINH MSSV 402006	300g058160210002		4,500,000.00	2,294,551,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN BAO LINH NOP TIEN HOC KHOA 40 LOP 4040 MA SV 404040	112NT01160210004		5,220,000.00	2,299,771,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LE NGOC HUYEN ANH MSSV:404052-LOP 40-KHOA 40 CMT:013429534 NC: 9-6-2011 NC: HA NOI	110NT01160210011		5,220,000.00	2,304,991,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LY THI THU HUONG MSSV 401430 NOP HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	103NT01160210017		4,860,000.00	2,309,851,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THI NGAM MSV 400556 NTHP	120NT01160210061		4,500,000.00	2,314,351,420.00
21/01/2016	21/01/2016	DAO DUY TUNG MSV 400214 NTHP	120NT01160210062		4,500,000.00	2,318,851,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGO THUY TRANG MSV 401647 NTHP	120NT01160210063		4,500,000.00	2,323,351,420.00
21/01/2016	21/01/2016	BUI THI KIM DUNG MSV 402222 NTHP	120NT01160210064		4,860,000.00	2,328,211,420.00
21/01/2016	21/01/2016	BUI THI NHUNG MSV 402706 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160210065		4,500,000.00	2,332,711,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THI THU HA MSV 401120 NOP TIEN HOC PHI TRUONG DH LUAT HA NOI, KY II	360NT02160210003		4,860,000.00	2,337,571,420.00
21/01/2016	21/01/2016	HO TEN NGUYEN THI PHUONG THAO ,MSV 403935 NOP HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	103NT01160210018		5,220,000.00	2,342,791,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NOP TIEN HOC PHI CHO SV PHAN THI KHANH HOA MSV 400907 ~NC:HY0986343961 - Nguoi chuyen: HY0986343961	001CTD1160210581		5,040,000.00	2,347,831,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LE THI QUYNH TRANG MA SV 403123 NTHOC PHI ~NC:DIEN CAHU NGHE AN - Nguoi chuyen: DIEN CAHU NGHE AN	001CTD1160210583		4,680,000.00	2,352,511,420.00
21/01/2016	21/01/2016	PHI NGUYEN PHUONG LINH NOP TIEN HOC PHI HK II NAM 2016 (MSSV: 402216)	610NT02160210001		4,500,000.00	2,357,011,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THI XONG NGAN - MSSV 401523 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160210019		5,040,000.00	2,362,051,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LUONG THU TRANG MSSV 401415 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160210020		4,860,000.00	2,366,911,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NINH THI THUY 403033 NOP 15.060.000	102NT01160210013		15,060,000.00	2,381,971,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NOP HOC PHI KY 2 NGUYEN PHUONG THAO MSSV 403743	102NT01160210014		5,220,000.00	2,387,191,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LE MINH HANG MA SINH VIEN 400344 CT~NC:DO THI THUY CHINH - Nguoi chuyen: DO THI THUY CHINH	001CTD1160210588		4,860,000.00	2,392,051,420.00
21/01/2016	21/01/2016	DUONG NHU QUYNH MSSV 401401 NOP HOC PHI~NC:NGO THI XUAN - Nguoi chuyen: NGO THI XUAN	001CTD1160210613		4,860,000.00	2,396,911,420.00

21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN QUYNH LAM NT HOC PHI MSSV:400662-KHOA 40-LOP 4006 TAI NH LIEN VIET -CN DONG DO HN~NC:NGUYEN QUYNH LAM - Nguoi chuyen: NGUYEN QUYNH LAM	001CTD1160210630		4,500,000.00	2,401,411,420.00
21/01/2016	21/01/2016	CHUYEN DEN CN DONG DO HA NOI: NOP TIEN CHO SINH VIEN DUONG KIEU ANH MA SINH VIEN 401702~NC:DUONG TIEN CUONG - Nguoi chuyen: DUONG TIEN CUONG	001CTD1160210633		4,500,000.00	2,405,911,420.00
21/01/2016	21/01/2016	BUI THI MEN MSV 401760 NTHP	120NT01160210066		4,500,000.00	2,410,411,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LE GIA THINH MSV 400912 NTHP	120NT01160210067		4,860,000.00	2,415,271,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THI KIM ANH MSV 400542 NTHP	120NT01160210068		4,860,000.00	2,420,131,420.00
21/01/2016	21/01/2016	MA THI HAI YEN MSV 400572 NTHP	120NT01160210069		4,860,000.00	2,424,991,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THI HONG HANH MSV 401825	120NT01160210070		4,860,000.00	2,429,851,420.00
21/01/2016	21/01/2016	Nop hoc phi ky II. Pham Khanh Linh. Ma sinh vien: 402115~NC:Pham Khanh Linh - Truong dH Luat 0912680600 - Nguoi chuyen: Pham Khanh Linh - Truong dH Luat 0912680600	001CTD1160210605		4,860,000.00	2,434,711,420.00
21/01/2016	21/01/2016	CHU DUC DUNG.MSSV: 400124. NOP HOC PHI	120NT01160210073		5,040,000.00	2,439,751,420.00
21/01/2016	21/01/2016	PHAM MY LINH MSSV 403954 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160210022		5,220,000.00	2,444,971,420.00
21/01/2016	21/01/2016	TRAN KIM TUYEN NT HOC PHI HOC KY II CHO VU THI MINH HANG MSV 402970	240NT02160210003		15,060,000.00	2,460,031,420.00
21/01/2016	21/01/2016	DUONG THI NGOC ANH-NOP TIEN HOC PHI-MA SV: 401108	390NT02160210001		5,040,000.00	2,465,071,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THI GIANG MSV 401904 NT HP	120NT01160210074		4,860,000.00	2,469,931,420.00
21/01/2016	21/01/2016	TRAN THI THU THUY MSV 401869 NT HP	120NT01160210075		4,500,000.00	2,474,431,420.00
21/01/2016	21/01/2016	VU THI TAM CHINH MSV 401213 NTHP	120NT01160210076		4,500,000.00	2,478,931,420.00
21/01/2016	21/01/2016	PHAM THI HANH MSV 400762 NTHP	120NT01160210077		4,860,000.00	2,483,791,420.00
21/01/2016	21/01/2016	DONG VAN THIEU MSV 403754 NTHP	120NT01160210079		5,220,000.00	2,489,011,420.00
21/01/2016	21/01/2016	DOAN THI PHUONG TRINH MSV 401350 NT HP	120NT01160210080		4,500,000.00	2,493,511,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LUC THI NHINH MSV 402372 NTHP	120NT01160210081		4,860,000.00	2,498,371,420.00
21/01/2016	21/01/2016	HA THI HUONG THAO MSV 403167 NT HP	120NT01160210082		4,680,000.00	2,503,051,420.00
21/01/2016	21/01/2016	SINH VIEN: DINH HOANG MAI MA SV: 402554 LOP 4025 NOP HOC PHI KY 2~NC:DINH HOANG MAI - Nguoi chuyen: DINH HOANG MAI	001CTD1160210712		4,860,000.00	2,507,911,420.00
21/01/2016	21/01/2016	BUI THI VAN MSV 400947 NTHP	120NT01160210084		4,860,000.00	2,512,771,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LINH THI MAI ANH MSV 403505 NTHP	120NT01160210085		4,680,000.00	2,517,451,420.00
21/01/2016	21/01/2016	BUI THI GIANG MSV 400540 NTHP	120NT01160210086		4,860,000.00	2,522,311,420.00

21/01/2016	21/01/2016	DUONG HONG SON MSV 400546 NTHP	120NT01160210087		4,500,000.00	2,526,811,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN QUYNH THU MSV 400439 NTHP	120NT01160210088		4,860,000.00	2,531,671,420.00
21/01/2016	21/01/2016	TRINH THI GIANG MSV 401902 NOP TIENHOC PHI KY 2 ~NC:HA NOI01646248322 - Nguoi chuyen: HA NOI01646248322	001CTD1160210747		4,860,000.00	2,536,531,420.00
21/01/2016	21/01/2016	HA THI NHAT LE MSV: 403840 LOP 4038 KHOA 40 NOP HOC PHI KY 2 NAM 2015-2016	120NT01160210090		5,220,000.00	2,541,751,420.00
21/01/2016	21/01/2016	BUI THI MAI PHUONG MSSV:403846 LOP 4038 KHOA 40 NOP HOC PHI KY 2 NAM 2016	120NT01160210091		4,860,000.00	2,546,611,420.00
21/01/2016	21/01/2016	HA THI HONG NGOC MSSV: 402266 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160210092		4,860,000.00	2,551,471,420.00
21/01/2016	21/01/2016	TRAN VAN QUYEN MSSV:400748 LOP 4007 KHOA 40 NOP HOC PHI KI 2 NAM 2015-2016	120NT01160210093		4,860,000.00	2,556,331,420.00
21/01/2016	21/01/2016	TRAN MINH NGOC MSSV:400706 LOP 4007 KHOA 40 NOP HOC PHI KY 2 NAM 2015-2016	120NT01160210094		4,500,000.00	2,560,831,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LE TRONG DAT MSSV: 401548 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160210095		4,500,000.00	2,565,331,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN VAN SAN MSSV:400528 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160210096		4,860,000.00	2,570,191,420.00
21/01/2016	21/01/2016	DAO NGOC MINH MSSV:400210 HOC PHI KY 2 NAM 2015-2016	120NT01160210097		4,500,000.00	2,574,691,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NGUYEN THI HAI HA MSSV:402508 NOP HOC PHI	120NT01160210099		4,500,000.00	2,579,191,420.00
21/01/2016	21/01/2016	NONG THU HONG MSV:401250 NOP HOC PHI	120NT01160210100		4,500,000.00	2,583,691,420.00
21/01/2016	21/01/2016	HO TEN: LUONG BAO THAI - MA SINH VIEN: 402954	190NT02160210002		15,060,000.00	2,598,751,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LE THI TU ANH NOP TIEN CHO TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI, NGAY 21/01/2016	002BD02160210001		15,060,000.00	2,613,811,420.00
21/01/2016	21/01/2016	LE TU ANH MSSV 403841 KHOA 40 HOC KY 2 (2015-2016)~NC:LE TU ANH - Nguoi chuyen: LE TU ANH	001CTD1160210783		5,162,580.00	2,618,974,000.00
21/01/2016	21/01/2016	LE TU ANH MSSV 403841 KHOA 40 HOC PHI KY 2 (2015-2016)~NC:LE TU ANH - Nguoi chuyen: LE TU ANH	001CTD1160210786		57,420.00	2,619,031,420.00
21/01/2016	21/01/2016	Nguyen Tran Thao My MSV 403806 bo sung hoc phi Ky II~NC:NGUYEN THI HA - Nguoi chuyen: NGUYEN THI HA	001CTD1160210788		360,000.00	2,619,391,420.00
Cộng doanh số Total					772,492,000.00	
Số dư cuối kỳ Ending Balance						2,619,391,420.00

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bảng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bảng sao kê.

Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát